TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2022/HS-ST
Ngày 07 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm

Bà Võ Thị Thu Thảo

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Kim Thị Giàu - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2021/TLST - HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Việt P, sinh năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi thường trú: Thôn A, xã G B, huyện V, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đức D và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Đặng Văn S, sinh năm 1997 tại Thanh Hóa. Nơi thường trú: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và bà Tạ Thị B; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2021. Ngày 16/11/2021 bị bắt tạm giam theo lệnh truy nã số 05 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Phú Giáo đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bà Võ Thị H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ B, ấp V T, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

4. Bà Phạm Thị T H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

5. Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

6. Bà Nguyễn Thị H O, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp V T, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

8. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp V T, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

9. Bà C Thị K L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

10. Bà Huỳnh Thị M C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

11. Bà Dương A K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

12. Bà Trần Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

13. Bà Danh Thị T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

14. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp V T, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

15. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp B T, xã L H, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

16. Ông Phạm Văn G; Địa chỉ: NL, phường T H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- *Người làm chứng*: Ông Lữ Trọng Q. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Việt P và Đặng Văn S là bạn bè quen biết nhau. Khoảng tháng

4/2021, S rủ P đến huyện Phú Giáo để thực hiện việc cho vay lãi nặng, P đồng ý. Từ tháng 4/2021 đến ngày 10/5/2021, cả hai bàn bạc và thống nhất góp mỗi người 50.000.000 đồng và mượn thêm của một người tên Lữ Trọng Q (không rõ nhân thân lai lịch) số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng là 130.000.000 đồng để thực hiện việc cho vay lãi nặng trên địa bàn huyện Phú Giáo dưới hình thức vay trả góp theo ngày, nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. P, S quy ước với những người vay cụ thể như sau:

Nếu vay 3.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng và thu tiền phí là 200.000 đồng/lần vay. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả sau 21 ngày là 4.200.000 đồng. Tương ứng mức lãi suất 687,5%/năm, gấp 34,285 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm.

Nếu vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng và thu tiền phí là 300.000 đồng/lần vay. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả sau 21 ngày là 6.300.000 đồng. Tương ứng mức lãi suất 445,7%/năm, gấp 22,285 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm.

Nếu vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng và thu tiền phí là 600.000 đồng/lần vay. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả sau 21 ngày là 12.600.000 đồng. Tương ứng mức lãi suất 445,7%/năm, gấp 22,285 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm.

Nếu vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng và thu tiền phí là 500.000 đồng/lần vay. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả sau 25 ngày là 12.500.000 đồng. Tương ứng mức lãi suất 360%/năm, gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm.

Nếu vay 50.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, mỗi ngày trả góp 3.000.000 đồng và thu tiền phí là 3.000.000 đồng/lần vay. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả sau 21 ngày là 63.000.000 đồng. Tương ứng mức lãi suất 445,7%/năm, gấp 22,285 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm.

Quá trình điều tra P, S khai nhận cụ thể như sau:

1. Cho bà Nguyễn Thị N vay 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, tổng tiền vay là 100.000.000 đồng, Bà N phải trả trong 02 lần vay là 126.000.000 đồng. Bà N đã trả được 75.000.000 đồng, còn nợ lại 51.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 40.476.190 đồng, nợ lãi 10.523.810 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 15.476.190 đồng, số tiền lãi theo quy định là 695.833 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 20.780.357 đồng (gồm 14.780.357 đồng tiền lãi và 6.000.000 đồng tiền phí).

2. Cho bà Võ Thị H vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng và trả trong vòng 21 ngày, tổng tiền vay là 15.000.000 đồng, bà H phải trả trong 03 lần vay là 18.900.000 đồng. Bà H đã trả được 15.600.000 đồng, còn nợ lại 3.300.000 đồng (trong đó nợ gốc 2.619.048 đồng, nợ lãi 680.952 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 3.219.048 đồng, số tiền lãi theo quy định là 144.733 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.974.314 đồng (gồm 3.074.314 đồng tiền lãi và 900.000 đồng tiền

phí).

3. Cho ông Trần Văn H vay 03 lần, trong đó 02 lần vay mỗi lần 10.000.000 đồng, 01 lần vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, tổng tiền vay là 25.000.000 đồng, ông H phải trả cho 03 lần vay là 31.500.000 đồng. Ông H đã trả được 24.600.000 đồng, còn nợ lại 6.900.000 đồng (trong đó nợ gốc 5.476.190 đồng, nợ lãi 1.423.810 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 5.076.190 đồng, số tiền lãi theo quy định là 228.233 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.347.957 đồng (gồm 4.847.957 đồng tiền lãi và 1.500.000 đồng tiền phí).

4. Cho bà Phạm Thị T H vay 04 lần, trong đó 02 lần vay mỗi lần 10.000.000 đồng, 02 lần vay mỗi lần 5.000.000 đồng, đều trả trong vòng 21 ngày, tổng tiền vay là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền Bà H phải trả cho 04 lần vay là 37.800.000 đồng. Bà H đã trả được 23.100.000 đồng, còn nợ lại 14.700.000 đồng (trong đó nợ gốc 11.666.667 đồng, nợ lãi 3.033.333 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 4.766.667 đồng, số tiền lãi theo quy định là 214.316 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.352.341 đồng (gồm 4.552.341 đồng tiền lãi và 1.800.000 đồng tiền phí).

5. Bà Trần Thị Kim P vay 04 lần, trong đó 02 lần vay mỗi lần 5.000.000 đồng, 02 lần vay mỗi lần 3.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, tổng cộng 16.000.000 đồng. Tổng số tiền Bà P phải trả trong 04 lần vay là 21.000.000 đồng. Bà P đã trả được 15.500.000 đồng, còn nợ lại 5.500.000 đồng (trong đó nợ gốc 4.190.476 đồng, nợ lãi 1.309.524 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 3.690.476 đồng, số tiền lãi theo quy định là 138.053 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.552.423 đồng (gồm 3.552.423 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng tiền phí).

6. Bà Nguyễn Thị H O vay 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, trả trong vòng 21 ngày, bà O phải trả là 4.200.000 đồng, bà O đã trả hết. Số tiền lãi mà S và P thu được là 1.200.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 35.070 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.364.930 đồng (gồm 1.164.930 đồng tiền lãi và 200.000 đồng tiền phí).

7. Bà Nguyễn Thị T vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, bà T phải trả là 6.300.000 đồng, bà T đã trả được 2.100.000 đồng, còn nợ lại 4.200.000 đồng (trong đó nợ gốc 3.333.333 đồng, nợ lãi 866.667 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 433.333 đồng, số tiền lãi theo quy định là 19.483 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 713.850 đồng (gồm 413.850 đồng tiền lãi và 300.000 đồng tiền phí).

8. Bà Nguyễn Thị S vay 02 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, tổng tiền vay là 10.000.000 đồng, mỗi lần vay trả trong vòng 21 ngày, Bà S phải trả trong 02 lần vay là 12.600.000 đồng. Bà S đã trả được 7.800.000 đồng, còn nợ lại 4.800.000 đồng (trong đó nợ gốc 3.809.524 đồng, nợ lãi 990.476 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 1.609.524 đồng, số tiền lãi theo quy định là 72.376 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.137.157 đồng (gồm 1.537.157 đồng tiền lãi và 600.000 đồng tiền phí).

9. Bà C Thị K L vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, bà L phải trả trong 01 lần vay là 6.300.000 đồng. Bà L đã trả được

4.200.000 đồng, còn nợ lại 2.100.000 đồng (trong đó nợ gốc 1.666.667 đồng, nợ lãi 433.333 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 866.667 đồng, số tiền lãi theo quy định là 38.966 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.127.700 đồng (gồm 827.700 đồng tiền lãi và 300.000 đồng tiền phí).

10. Bà Huỳnh Thị M C vay 01 lần 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, Bà C phải trả trong 01 lần vay là 6.300.000 đồng. Bà C đã trả được 4.200.000 đồng, còn nợ lại 2.100.000 đồng (trong đó nợ gốc 1.666.667 đồng, nợ lãi 433.333 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 866.667 đồng, số tiền lãi theo quy định là 38.966 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.127.700 đồng (gồm 827.700 đồng tiền lãi và 300.000 đồng tiền phí).

11. Bà Dương A K vay 01 lần 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, bà K phải trả trong 01 lần vay là 6.300.000 đồng. Bà K đã trả được 4.500.000 đồng, còn nợ lại 1.800.000 đồng (trong đó nợ gốc 1.428.571 đồng, nợ lãi 371.429 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 928.571 đồng, số tiền lãi theo quy định là 41.749 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.186.822 đồng (gồm 886.822 đồng tiền lãi và 300.000 đồng tiền phí).

12. Bà Trần Thị N vay 01 lần 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngà, Bà N phải trả trong 01 lần vay là 12.500.000 đồng. Bà N đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 7.500.000 đồng (trong đó nợ gốc 6.000.000 đồng, nợ lãi 1.500.000 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 1.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 55.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.444.333 đồng (gồm 944.333 đồng tiền lãi và 500.000 đồng tiền phí).

13. Bà Nguyễn Thị T vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, bà T phải trả trong 01 lần vay là 6.300.000 đồng. Bà T đã trả được 4.800.000 đồng, còn nợ lại 1.500.000 đồng (trong đó nợ gốc 1.190.475 đồng, nợ lãi 309.525 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 990.475 đồng, số tiền lãi theo quy định là 44.532 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.245.943 đồng (gồm 945.943 đồng tiền lãi và 300.000 đồng tiền phí).

14. Bà Danh Thị T vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, bà T phải trả trong 01 lần vay là 6.300.000 đồng. Bà T đã trả được 4.500.000 đồng, còn nợ lại 1.800.000 đồng (trong đó nợ gốc 1.428.571 đồng, nợ lãi 371.429 đồng). Số tiền lãi mà S và P thu được là 928.571 đồng, số tiền lãi theo quy định là 41.749 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.186.822 đồng (gồm 886.822 đồng tiền lãi và 300.000 đồng tiền phí).

Đối với những người vay còn lại, Cơ quan CSĐT chưa làm việc được. Ngày 05/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo đã có văn bản thông báo tìm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi có kết quả sẽ xử lý sau.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà Hoàng Việt P và Đặng Văn S cho những người vay là 239.000.000 đồng. Bà N, bà H, ông H, Bà H, bà T, bà L, Bà P, Bà C, ông Kiều, Bà N, bà T, bà T đã trả được tổng cộng số tiền 195.100.000 đồng (trong đó 154.047.621 đồng là tiền gốc và 41.052.379 đồng là tiền lãi), còn nợ P và S số

tiền 107.200.000 đồng (trong đó 84.952.379 đồng là tiền gốc và 22.247.621 đồng là tiền lãi).

Số tiền lãi P và S thu được tổng cộng là 41.052.379 đồng, tương ứng mức lãi suất từ 360%/năm đến 685,7%/năm, gấp từ 18 đến 34,285 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định. Số tiền lãi tương đương lãi suất 20%/năm là 1.809.723 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định là 39.242.656 đồng. Tổng số tiền mà Hoàng Việt P và Đặng Văn S thu lợi bất chính là 53.542.656 đồng (gồm 39.242.656 đồng tiền lãi và 14.300.000 đồng tiền phí dịch vụ). Quá trình điều tra Hoàng Việt P, Đặng Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên của mình.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSPG ngày 13/12/2021 truy tố các bị cáo Hoàng Việt P, Đặng Văn S về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Việt P, Đặng Văn S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Việt P từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Đặng Văn S từ 18 tháng đến 20 tháng cải tạo không giảm giữ; hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc bị cáo P phải nộp từ 30.000.000 đồng đến 40tr vào ngân sách Nhà nước; Buộc bị cáo S phải nộp từ 30.000.000 đồng đến 40tr vào ngân sách Nhà nước

Về vật chứng của vụ án, đề nghị HĐXX:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Shinhanbank số 9704 2460 1058 5xxx và 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank số 9704 2460 1058 5xxx mang tên Hoàng Việt P. 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank số 9704 0396 0266 8xxx, 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank số 9704 1515 0934 3xxx mang tên Đặng Văn S. 07 (bảy) thẻ card visit thẻ thông tin màu vàng có dòng chữ cho vay lãi suất thấp

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 61K1 – 056.xx, số khung 5C6K0FY250xxx, số máy 5C6K250xxx, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do ông Lê Xuân T đứng tên chủ sở hữu.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Model A1549 FCCID:BCG-E2816A IC:579C-E2816A của Đặng Văn S.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu Nokia Model: TA-1203 của Hoàng Việt P.

Về dân sự:

Buộc bị cáo P, bị cáo S nộp 154.047.621 đồng là tiền gốc dùng vào việc phạm tội; 1.809.723 đồng là tiền lãi trong hạn; 14.300.000 đồng là tiền phí các bị cáo thu của người vay vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã thu giữ của các bị cáo.

Buộc bị cáo Hoàng Việt P, Đặng Văn S trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 14.780.357 đồng, trả lại cho bà Võ Thị H 3.074.314 đồng, trả lại cho ông Trần Văn H 4.847.957 đồng, trả lại cho bà Phạm Thị T H 4.552.341 đồng, trả lại cho bà Trần Thị Kim P 3.552.423 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị H O 1.164.930 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị T 413.850 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị S 1.537.157 đồng, trả lại cho Bà C Thị K L 827.700 đồng, trả lại cho bà Huỳnh Thị M C 827.700 đồng, trả lại cho bà Dương A K 886.822 đồng, trả lại cho bà Trần Thị N 944.333 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị T 945.943 đồng, trả lại cho bà Danh Thị T 886.822 đồng.

Truy thu tiền gốc những người vay chưa trả cho các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bà Nguyễn Thị N 40.476.190 đồng, truy thu của bà Võ Thị H 2.619.048 đồng, truy thu của ông Trần Văn H 5.476.190 đồng, truy thu của bà Phạm Thị T H 11.666.667 đồng, truy thu của bà Trần Thị Kim P 4.190.476 đồng, truy thu của bà Nguyễn Thị T 3.333.333 đồng, truy thu của bà Nguyễn Thị S 3.809.524 đồng, truy thu của Bà C Thị K L 1.666.667 đồng, truy thu của bà Huỳnh Thị M C 1.666.667 đồng, truy thu của bà Dương A K 1.428.571 đồng, truy thu của bà Trần Thị N 6.000.000 đồng, truy thu của bà Nguyễn Thị T T 1.190.475 đồng, truy thu của bà Danh Thị Th 1.428.571 đồng

Phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Trong lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng và tại phiên toà, các bị cáo và người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng cung cấp là phù hợp với quy định của P luật tố tụng hình sự.

[2] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2021, các bị cáo Hoàng Việt P, Đặng Văn S cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vay tiền, gồm bà Nguyễn Thị N, bà Võ Thị H, ông Trần Văn H, bà Phạm Thị T H, bà Nguyễn Thị T, Bà C Thị K L, bà Trần Thị Kim P, bà Huỳnh Thị M C, bà Dương A Kiều, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Danh Thị T vay tổng số tiền 239.000.000 đồng với mức lãi suất từ 360%/năm đến 685.7%/năm, gấp từ 18 đến 34,285 lần so mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thu được từ việc cho vay lãi nặng là 55.352.379 đồng (trong đó tiền lãi là 41.052.379 đồng và 14.300.000 đồng tiền phí dịch vụ).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Hoàng Việt P, Đặng Văn S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 01/CT-VKSPG ngày 13/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng P luật. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức các bị cáo biết được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm P luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò ngang nhau, cùng góp tiền, cùng thực hiện hành vi cho vay, thu tiền, chia tiền lãi thu được. Hành vi của các bị cáo không chỉ ảnh hưởng đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân, an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử bị cáo một mức án phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện P tư P và xử lý vật chứng của vụ án:

Về biện P tư P:

Đối với số tiền 154.047.621 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội; số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 1.809.723 đồng và 14.300.000 đồng là tiền phí mỗi lần cho vay là tiền có được từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo P và bị cáo S nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi vượt quá quy định là 39.242.656 đồng. Đây là tiền mà các bị cáo Hoàng Việt P, Đặng Văn S thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần trả lại cho những người vay.

Đối với số tiền 84.952.379 đồng là tiền gốc mà các bị cáo P và S dùng vào việc phạm tội nhưng những người vay chưa trả lại cho P và S nên buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Shinhan Bank số 9704 2460 1058 5xxx và 01 thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank số 9704 2460 1058 5xxx mang tên Hoàng Việt P. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank số 9704 0396 0266 8xxx, 01 thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank số 9704 1515 0934 3xxx mang tên Đặng Văn S. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô biển số 61K1 - 056.xx, số khung RLCS5C6K0FY250-435, số máy 5C6K250xxx và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61K1 - 056.xx do ông Lê Xuân T đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra xác định được ông T đã bán xe cho ông Phạm Văn G. Ngày 01/4/2021, ông Phạm Văn G bán xe mô tô, kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61K1 - 056.xx cho ông Lê Văn H. Ngày 22/4/2021, ông H bán cho bị cáo Hoàng Việt P, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61K1 - 056.xx. Ngày 14/12/2021 và ngày 15/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu để xử lý theo quy định nhưng đến nay chưa có ai liên hệ làm việc. Xét thấy, xe mô tô 61K1 - 056.xx là của bị cáo Hoàng Việt P sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Model 1661 FFC ID:BCG - E3087A; IC:579C - E3087A; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia Model: TA-1203 (imei: 350618542443xxx) của Hoàng Việt P. Đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Model A1549 FFC ID:BCG-E2816A; IC:579C-E2816A (imei: 354404063392xxx) của Đặng Văn S. Đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 07 (bảy) thẻ card visit thẻ thông tin màu vàng có dòng chữ cho vay lãi suất thấp. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo tạm giữ của các bị cáo, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết khác đối với bị cáo cũng như về biện P tư P, xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của các bị cáo: Ý kiến, lời nói sau cùng của các bị cáo về tội danh, về mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của P luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Việt P và Đặng Văn S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Việt P 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã G B, huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Hoàng Việt P cho Uỷ ban nhân dân xã G B, huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Hoàng Việt P phải nộp 30.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

Hủy bỏ biện P ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Hoàng Việt P.

1.2. Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 18 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giam 112 ngày, tương đương 11 tháng 6 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 6 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời

gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã Y D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Đặng Văn S cho Uỷ ban nhân dân xã Y D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Đặng Văn S phải nộp 30.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

Trả tự do ngay cho bị cáo Đặng Văn S nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về biện P tư P và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Về biện P tư P:

- Buộc bị cáo Hoàng Việt P và Đặng Văn S phải nộp 170.157.344đ (một trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó: Tiền cho vay đã thu được là 154.047.621đ (một trăm năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi mốt nghìn), tiền lãi tương tứng mức lãi suất 20%/năm là 1.809.723đ (một triệu tám trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng và tiền phí thu của người vay 14.300.000đ (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước. Được đối trừ số tiền Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo thu giữ của các bị cáo là 10.000.000đ (mười triệu đồng), hiện đang được lưu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án huyện Phú Giáo. Các bị cáo Hoàng Việt P và Đặng Văn S còn phải nộp 160.157.344đ (một trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

- Buộc bị cáo Hoàng Việt P và Đặng Văn S phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 14.780.357đ (mười bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng);

+ Trả lại cho bà Võ Thị H 3.074.314đ (ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười bốn đồng);

+ Trả lại cho ông Trần Văn H 4.847.957đ (bốn triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng);

+ Trả lại cho bà Phạm Thị T H 4.552.341đ (bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng);

+ Trả lại cho bà Trần Thị Kim P 3.552.423đ (ba triệu năm trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng);

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị H O 1.164.930đ (một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi đồng);

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 413.850đ (bốn trăm mười ba nghìn tám trăm năm mươi đồng);

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị S 1.537.157đ (một triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bảy đồng);

+ Trả lại cho Bà C Thị K L 827.700đ (tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm đồng);

+ Trả lại cho bà Huỳnh Thị M C 827.700đ (tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm đồng);

+ Trả lại cho bà Dương A K 886.822đ (tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng);

+ Trả lại cho bà Trần Thị N 944.333đ (chín trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 945.943đ (chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng);

+ Trả lại cho bà Danh Thị T 886.822đ (tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền gốc còn nợ của các bị cáo Hoàng Việt P, Đặng Văn S để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị N phải nộp 40.476.190đ (bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng);

+ Bà Võ Thị H phải nộp 2.619.048đ (hai triệu sáu trăm mười chín nghìn không trăm bốn mươi tám đồng);

+ Ông Trần Văn H phải nộp 5.476.190đ (năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng);

+ Bà Phạm Thị T H phải nộp 11.666.667đ (mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

+ Bà Trần Thị Kim P phải nộp 4.190.476đ (bốn triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng);

+ Bà Nguyễn Thị T phải nộp 3.333.333đ (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

+ Bà Nguyễn Thị S phải nộp 3.809.524đ (ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng);

+ Bà C Thị K L phải nộp 1.666.667đ (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

+ Bà Huỳnh Thị M C phải nộp 1.666.667đ (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

+ Bà Dương A K phải nộp 1.428.571đ (một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng);

+ Bà Trần Thị N phải nộp 6.000.000đ (sáu triệu đồng);

+ Bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.190.475đ (một triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng);

+ Bà Danh Thị T phải nộp 1.428.571đ (một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng).

2.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Shinhan Bank số 9704 2460 1058 5xxx và 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank số 9704 2460 1058 5xxx mang tên Hoàng Việt P.

+ 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank số 9704 0396 0266 8xxx, 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank số 9704 1515 0934 3xxx mang tên Đặng Văn S.

+ 07 (bảy) thẻ card visit thẻ thông tin màu vàng có dòng chữ cho vay lãi suất thấp.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 61K1 - 056.xx, số khung RLCS5C6K0FY250-435, số máy 5C6K250xxx, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do ông Lê Xuân T đứng tên chủ sở hữu.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Model A1549 FCCID:BCG-E2816A IC:579C-E2816A của Đặng Văn S.

+ 01 (một) điện thoại hiệu Nokia Model: TA-1203; 01 điện thoại Iphone Model 1661FCCID:BCG-E3087A IC:59C-E3087A của Hoàng Việt P.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT công an huyện Phú Giáo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo ngày 17/12/2012 và Ủy nhiệm chi ngày 17/12/2021)

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực P luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Hoàng Việt P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Đặng Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định P luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Thu Thảo **Kim Niệm** **Nguyễn Thị Mùi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư P tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã G B, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng;
- UBND xã Y D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mùi